

Số: /BC-UBND

TP. Bắc Kạn, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác trẻ em 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện Công văn số 947/LĐTBOXH-BVCSTE ngày 05/5/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Kạn về việc báo cáo định kỳ công tác trẻ em 6 tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn báo cáo triển khai, thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thành phố Bắc Kạn là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh, có tổng diện tích tự nhiên 137 km², gồm 08 đơn vị hành chính (06 phường, 02 xã), 117 thôn, tổ dân phố; theo số liệu thống kê của UBND các xã, phường thời điểm hiện nay thành phố Bắc Kạn có 11.920 hộ, 46.504 nhân khẩu, trong đó có 10.638 trẻ em, chiếm 22,87 % dân số, trong đó:

- Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.638 em

- Trẻ em nam: 5.524 em

- Trẻ em nữ: 5.114 em

- Trẻ em dân tộc kinh: 4.321 em

- Trẻ em dân tộc khác: 6.317 em

- Tỷ lệ số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến 18 tuổi 3.151 em, chiếm 6,78 % tổng dân số thành phố.

- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 158 em, chiếm 1,49% tổng số trẻ em.

- Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: 405 em (trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo: 287 em).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRẺ

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 14 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, gồm 03 kế hoạch, 11 công văn (có Phụ lục 08 kèm theo). Ngoài ra, các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố và UBND các xã, phường theo chức năng nhiệm vụ được giao đã ban hành nhiều văn bản chỉ

đạo, đôn đốc và hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em lồng ghép với nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị.

2. Công tác bảo vệ trẻ em

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chủ động hướng dẫn kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, đặc biệt là tai nạn đuối nước, tai nạn giao thông; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống dịch bệnh Covid -19 trong tình hình hình mới. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn thành phố không có trẻ em bị tai nạn thương tích và trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích. Có 01 trẻ em bị xâm hại (*bị giao cấu*), đã khởi tố bị can 01 vụ giao cấu trẻ em chuyển phòng PC02 Công an tỉnh Bắc Kạn thụ lý điều tra giải quyết, 02 trẻ em bị mua bán (*01 trẻ em cư trú tại địa phương, 01 trẻ em cư trú địa phương khác*), đã khởi tố bị can hiện cơ quan Công an tỉnh đang tiếp tục điều tra xử lý theo quy định. Trường hợp trẻ em bị xâm hại đã được tiếp nhận thông tin, xác minh, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối tượng có hành vi xâm hại trẻ em theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời chính quyền, đoàn thể địa phương đã tổ chức thăm hỏi động viên trẻ bị xâm hại sớm ổn định tinh thần, thể chất.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát biện pháp bảo đảm môi trường sống an toàn, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em và tai nạn thương tích trẻ em, các biện pháp bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em, cơ sở giáo dục, thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, khu dân cư, khu vực thường xảy ra tai nạn đuối nước, tai nạn giao thông trên địa bàn; tư vấn kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng sống cho trẻ em, kỹ năng bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em thông qua các kênh tuyên truyền, mạng xã hội và tại cộng đồng dân cư; truyền thông, quảng bá rộng rãi Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111).

- Các đơn vị chủ động kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật, chính sách, chương trình, đề án về trẻ em; đồng thời tích cực chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan phối hợp xử lý thông tin, kịp thời, giải quyết nghiêm, dứt điểm vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.

3. Công tác chăm sóc trẻ em

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em được quan tâm triển khai, thực hiện và đạt kết quả cao, hệ thống mạng lưới y tế từ cấp xã, phường được mở rộng, nâng cấp về cơ sở vật chất trang thiết bị và nhân lực tạo điều kiện cho việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ được tốt hơn, các trạm y tế xã, phường có cán bộ chuyên trách về sản nhi; 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định và

được quản lý sức khỏe thông qua Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tỷ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 100%.

- Triển khai thực hiện tốt chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi luôn được duy trì dưới 4%; 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đủ 6 loại vắc xin phòng, chống bệnh nguy hiểm, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 100%. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và bị tổn thương được bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ bằng nhiều hình thức như: Hỗ trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ về y tế, phục hồi tái hòa nhập cộng đồng và tiếp cận các dịch vụ bảo vệ trẻ em. 100 % trẻ em sinh ra được khai sinh đúng quy định của pháp luật và cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí (*từ đầu năm đến nay, có 164 trẻ em được đăng ký khai sinh, trong đó nam: 85, nữ: 79*).

- Phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức khám, sàng lọc cho 07 trẻ em khuyết tật cơ quan vận động năm 2023 và triển khai và đăng ký cho 30 trẻ em khám, sàng lọc mắc bệnh tim bẩm sinh.

4. Công tác giáo dục trẻ em

- Quy mô trường, lớp học các cấp trên địa bàn thành phố được duy trì ổn định, cơ sở vật chất trang thiết bị ngày càng được tăng cường, đáp ứng nhu cầu của trẻ em cũng như công tác giảng dạy; tỷ lệ phòng học kiên cố trên địa bàn thành phố đạt 100%; tỷ lệ huy động trẻ đến trường MN, TH, THCS đạt 100% (*bậc học mầm non huy động trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi vào học mẫu giáo đạt 100%*).

- Thường xuyên chỉ đạo các nhà trường tổ chức triển khai, thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên; thực hiện tốt công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của trẻ em về các vấn đề trẻ em trong trường học.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách hỗ trợ đối với học sinh theo quy định, nhất là đối với học sinh thuộc hộ nghèo, trẻ em khuyết tật, người dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tạo cơ hội cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được đi học theo nhu cầu.

5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em.

Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố và UBND các xã, phường đã phối hợp tổ chức các hoạt động vui chơi, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho trẻ em phù hợp với điều kiện cơ quan, đơn vị. Trong 6 tháng đầu năm, đã thực hiện 11 tin bài phát trên hệ thống loa truyền thanh, 08 tin bài đăng trên Cổng thông tin điện tử thành phố; tuyên truyền cổ động trực quan treo 05 băng rôn khẩu hiệu tại các nhà trường và trụ sở UBND các xã, phường.

6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em:

- Luôn quan tâm và tạo điều kiện cho trẻ em được thực hiện các quyền tham gia vào các vấn đề của trẻ em tại các nhà trường, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn trên môi trường mạng, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ.

- Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình. Tạo điều kiện cho trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em. Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp.

7. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em: Hiện tại chưa đánh giá (*số liệu sẽ báo cáo Tháng hành động vì trẻ em và báo cáo năm*)

8. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em từ đầu năm đến nay

(Phần số liệu theo phụ lục 5,6,7)

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Những tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn gặp một số khó khăn như sau: Điều kiện kinh tế - xã hội ở các địa phương có nơi còn khó khăn, các điểm vui chơi, hình thức giải trí dành cho trẻ em còn thiếu nhất là trong dịp nghỉ lễ, tết; các thiết chế văn hóa, thông tin, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ vui chơi giải trí cho trẻ em còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu vui chơi của trẻ em.

- Việc thực hiện công tác trẻ em ở một số ít đơn vị chưa được quan tâm đầy đủ, vẫn còn xảy ra các vụ trẻ em bị xâm hại do thiếu sự quan tâm của cha, mẹ và người chăm sóc trẻ.

- Tỷ lệ trẻ em phải chuyển tuyến Trung ương điều trị còn cao do cơ sở khám chữa bệnh tại thành phố chưa có nhiều chuyên khoa.

- Số lượng trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khá cao (405 em).

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa đi vào chiều sâu. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình hành động vì trẻ em chưa nhiều, nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn hạn hẹp.

- Một số gia đình chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng sống, phòng, chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em cho con cái; số hộ gia đình nghèo, thiếu việc làm, thu nhập thấp, chất lượng cuộc sống chưa đảm bảo đã tác động đến kết quả thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Mục tiêu chung: Tiếp tục xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện về mọi mặt, đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em; đồng thời chủ động phòng ngừa tai nạn thương tích, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực, trẻ em vi phạm pháp luật

2. Các chỉ tiêu cụ thể:

- Duy trì tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dưới 1% trên tổng số trẻ em.
- 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc bằng nhiều hình thức.

- Đảm bảo trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và có các biện pháp can thiệp, trợ giúp kịp thời.

- 100% hộ gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và trẻ em được phổ biến, tuyên truyền về các chính sách, pháp luật, kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- 100% trẻ em được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện theo nhu cầu và phù hợp với độ tuổi.

3. Giải pháp thực hiện cụ thể:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chỉ đạo điều hành của chính quyền, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong việc thực hiện Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em, đưa các mục tiêu, chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, lồng ghép các mục tiêu, chương trình Bảo vệ chăm sóc trẻ em vào hoạt động chuyên môn của các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hiện quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, của gia đình và toàn xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về trẻ em cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành, cộng tác viên cơ sở. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức Diễn đàn trẻ em thành phố Bắc Kạn lần thứ Tư năm 2023.

- Duy trì và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khó khăn dựa vào cộng đồng.

- Triển khai thực hiện các Kế hoạch hành động phòng, chống xâm hại trẻ em; các hoạt động phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em.

- Triển khai hoạt động trợ giúp trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật tại cộng đồng theo nhu cầu; hoạt động chăm sóc toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời.

- Tiếp tục đề nghị đầu tư xây dựng các điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em; đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng nhu cầu vui chơi, học tập, khám chữa bệnh trẻ em.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Lao động- TB&XH tỉnh Bắc Kạn;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- TV BCĐ công tác trẻ em thành phố;
- UBND các xã, phường;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, LĐTBXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Huế

Phụ lục 05
THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2023
của UBND thành phố Bắc Kạn)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2023
I	Dân số trẻ em		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	10.638
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	22,87
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	3.338
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	7,17
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	3.338
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	3.338
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	3.151
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	6,78
II	Tháng hành động vì trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	triệu đồng	
4.1	Ngân sách	triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	triệu đồng	
4.3	Quỹ BTTE	triệu đồng	
III	Tết Trung thu cho trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	đồng	

4.1	Ngân sách	đồng	
4.2	Nguồn vận động	đồng	
IV	Diễn đàn trẻ em các cấp		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
V	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội		
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	<i>Truyền thanh 11 tin bài/công thông tin 08 tin bài</i>
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
VI	Số người làm công tác trẻ em các cấp		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	20
	Trong đó:		
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	20
3	Cấp xã	Người	8
	Trong đó:		
3.1	Chuyên trách	Người	1
3.2	Kiểm nhiệm	Người	7
4	Cộng tác viên thôn, ấp, bản	Người	117
VII	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	1

1.2	Số lượt người	Lượt	2
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	2
VIII	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	triệu đồng	100
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	triệu đồng	100
	<i>- Sở LĐTBXH (nguồn triển khai tại Sở LĐTBXH; bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).</i>	triệu đồng	
	<i>+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Sở LĐTBXH.</i>	triệu đồng	
	<i>- Thành phố, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).</i>	triệu đồng	100
	<i>- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)</i>	triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	triệu đồng	
2.1	<i>Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)</i>	triệu đồng	
2.2	<i>Nguồn từ các tổ chức quốc tế</i>	triệu đồng	

Phụ lục 06
THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2023 của UBND thành phố Bắc Kạn)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng năm 2023
I	Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Tỉnh/thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
2	Tỉnh/thành phố đã có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
3	Tỉnh/thành phố có Quyết định thành lập/hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
4	Số huyện có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
5	Số huyện có Quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
6	Số xã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	2
7	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	2
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	

1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em (có hoàn cảnh đặc biệt) được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	Người	
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	Người	
3	Số huyện có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	48
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	7

Phụ lục 07
THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2023 của UBND thành phố Bắc Kạn)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
I	Dân số trẻ em								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi	10.638	100						
	Trong đó:								
1.1	Nam	5.524	100						
1.2	Nữ	5.114	100						
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh	4.321							
	- Dân tộc khác	6.317							
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	158	100						
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	5							

	1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
	2. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
	3. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích	5							
	4. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi	1							
	1. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	1							
	2. Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa	34							
	1. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.	7							
	2. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
	3. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	4							

	4. Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
	5. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	6. Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	7. Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
	8. Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
	9. Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
	10. Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
	11. Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								

	12. Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.	4							
	13. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
	14. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích	2							
	15. Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE	17							
4	Trẻ em khuyết tật	115							
	1. Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.	30							
	2. Trẻ em khuyết tật nặng.	66							
	3. Trẻ em khuyết tật nhẹ.	19							
	4. Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động	15							
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói	6							
	-Trẻ em khuyết tật nhìn	5							
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần	7							
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ	32							
	-Trẻ em khuyết tật khác	8							
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
	1. Sống với cha mẹ, người thân thích								
	2. Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								

6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
	1. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
	2. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
	3. Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
	1. Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
	2. Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								

	1. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
	1. Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
	2. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
	3. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								
	4. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								
	5. Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	1							
	1. Trẻ em bị hiếp dâm.								

	2. Trẻ em bị cưỡng dâm.								
	3. Trẻ em bị giao cấu.	1							
	4. Trẻ em bị dâm ô.								
	5. Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán	2							
	1. Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích	1							
	2. Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích	1							
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải Điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	2							
	1. Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	2							
	2. Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
	1. Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
	2. Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								

	3. Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	405	100						
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo.	287							
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo	186							
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS)	26							
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)	12							
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ	80							
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								

Phụ lục 08**(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2023 của UBND thành phố Bắc Kạn)****DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM ĐÃ BAN HÀNH**

Stt	Cơ quan ban hành	Loại Văn bản	Tên văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành
1	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 160/UBND-LĐTĐBXH về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em;	9/2/2023
2	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 187/UBND-LĐTĐBXH về việc triển khai, hướng dẫn thu thập và báo cáo các chỉ tiêu quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	14/02/2023
3	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 332/UBND-LĐTĐBXH về việc khám sàng lọc cho người khuyết tật cơ quan vận động năm 2023.	6/3/2023
4	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 61/UBND-LĐTĐBXH ngày 06/3/2023 về việc danh sách tham gia khám sàng lọc cho đối tượng là người khuyết tật cơ quan vận động năm 2023	6/3/2023
5	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 388/UBND-LĐTĐBXH về việc triển khai, thực hiện Thông tư số 27/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 29/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	14/3/2023
6	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 483/UBND-LĐTĐBXH về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác trẻ em năm 2023	24/3/2023
7	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 530/UBND-LĐTĐBXH về việc tiếp tục thực hiện rà soát, bổ sung, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em	31/3/2023
8	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 671/UBND-LĐTĐBXH báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội	14/4/2023
9	UBND thành phố	Kế hoạch	Kế hoạch số 105/KH-UBND thực hiện công tác trẻ em năm 2023	14/4/2023
10	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 711/UBND-LĐTĐBXH đơn đốc thực hiện việc chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em thực hiện Đề án 06 trên địa bàn thành phố	21/4/2023

11	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 720/UBND-LĐTĐBXH bảo đảm an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng chống đuối nước cho trẻ em và báo cáo các vụ việc liên quan	21/4/2023
12	UBND thành phố	Kế hoạch	Kế hoạch số 122/KH-UBND triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2023	26/4/2023
13	UBND thành phố	Công văn	Công văn số 975/UBND-LĐTĐBXH về việc báo cáo sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác trẻ em	9/5/2023
14	UBND thành phố	Kế hoạch	Kế hoạch số 129/KH-UBND Tổ chức Diễn đàn trẻ em lần thứ Tư năm 2023	9/5/2023